BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC
Số: 843/TTLĐNN–TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục định hướng Chương trình EPS Khóa K24-SN12/2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Sở Nội vụ .....

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng khóa K24-SN12/2026 *(danh sách kèm theo)* và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

-Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Chuẩn bị các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn đối với lao động mới: 920.000 đồng.

+ Chi phí khám sức khỏe, tiền ký túc xá và tiền ăn: người lao động nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian làm thủ tục nhập học: **15g00 Chủ nhật** ngày **23/08/2026**;

- Thời gian đào tạo: từ ngày **24/08** đến ngày **11/09/2026**, trong đó học viên được nghỉ cuối tuần và nghỉ lễ các ngày từ 29/08 đến 02/09/2026;

- Địa điểm đào tạo: Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội.

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website colab.moha.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp** theo mẫu được Đại sứ quán Hàn Quốc quy định và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa.

Lưu ý:

*+ Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản phô tô 2 mặt của CCCD (4) bản phô tô trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động cần đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin, sắp xếp hồ sơ theo thứ tự và **chỉ nộp hồ sơ khi có đủ giấy tờ**. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác có thể dẫn đến tiến độ xuất cảnh bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.*

*+ Đối với **Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử (Phiếu LLTPĐT)**: hiện nay Đại sứ quán Hàn Quốc chỉ chấp nhận Phiếu lý lịch tư pháp bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp hoặc Phiếu LLTPĐT được cấp trên ứng dụng VNeID và nộp kèm theo những giấy tờ sau: Bản in Phiếu LLTPĐT; Bản in của ảnh chụp màn hình điện thoại quá trình xử lý hồ sơ cấp Phiếu LLTPĐT trên VNeID; Bản in của ảnh chụp màn hình điện thoại Phiếu LLTPĐT (có hiển thị thời gian, cột sóng tín hiệu điện thoại……); Bản in của ảnh chụp màn hình điện thoại tiến trình xin cấp Phiếu LLTPĐT hiển thị trên ứng dụng VNeID.*

- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:

+ Người lao động mang theo điện thoại thông minh có thể kết nối internet và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

+ Người lao động cần kiểm tra, cung cấp chính xác thông tin địa chỉ cư trú theo đơn vị hành chính mới trên ứng dụng VneID.

+ Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn thủ tục ký số đối với Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở Hàn Quốc theo Chương trình EPS và Hợp đồng ký quỹ trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

- Những nội dung khác:

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phông màu trắng, mặc **áo khác màu với màu phông, không qua chỉnh sửa,** kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản phô tô 02 mặt của CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giầy hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để

trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **24/08/2026** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).*

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn xin hoãn đào tạo giáo dục định hướng (nếu có) để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp muộn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- Văn phòng HRD;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Phạm Ngọc Lan

DANH SÁCH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K24-SN12/2026

(Kèm theo Công văn số 843/TTLĐNN-TCLĐ ngày 18/08/2026 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên
1	50307150	Trần Đức Dương	18/03/2001	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-01
2	50307179	Nguyễn Văn Khoa	01/10/1996	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-02
3	50307185	Hoàng Công Dũng	01/06/2001	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-03
4	50307194	Nguyễn Thị Mai	16/06/2005	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-04
5	50307195	Trần Văn Thu	24/10/1992	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-05
6	50307202	Tống Thị Huệ	01/01/2000	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-06
7	50307206	Phạm Trọng Thuận	23/11/1995	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-07
8	50307339	Nguyễn Tiến Nam	18/12/2001	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-08
9	50307385	Nguyễn Trọng Hùng	12/01/2003	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-09
10	50307398	Vi Văn Lực	17/03/2002	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-10
11	50307426	Lê Văn Ngọc	04/11/2002	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-11
12	50307530	Thân Trung Kiên	19/12/2004	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-12
13	50307537	Nguyễn Thị Thúy Huyền	09/12/2002	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-13
14	50307542	Phạm Minh Đăng	31/08/2004	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-14
15	50307585	Nguyễn Xuân Hiếu	20/11/2002	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-15
16	50307590	Lại Minh Trí	31/10/2005	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-16
17	50308122	Nguyễn Như Quỳnh	20/03/1991	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-17
18	50308172	Bế Thị Thuận	10/10/1996	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-18
19	50370614	Nguyễn Văn Đạt	20/08/2001	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-19
20	50201035	Nguyễn Minh Hà	11/10/1999	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-20
21	50201043	Nông Văn Tiệp	28/01/2003	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-21
22	50201046	Nguyễn Văn Thường	14/06/1996	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-22
23	50201064	Nguyễn Văn Tứ	24/03/2001	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-23
24	50807874	Nguyễn Thị Ngân	15/12/1995	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-24
25	50308476	Nguyễn Thị Đẹp	18/01/2005	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-25
26	50308534	Nguyễn Đình Đạt	18/01/1998	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-26
27	50308536	Trần Duy Văn	16/07/1992	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-27
28	50308543	Nguyễn Viết Quân	21/01/2005	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-28
29	50308545	Nguyễn Quang Thanh	09/04/2005	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-29
30	50308576	Ngô Xuân Luân	17/04/1993	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-30
31	50308596	Nguyễn Quang Tú	13/03/2001	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-31
32	50308623	Đỗ Đình Hường	10/11/2004	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-32
33	50308626	Nguyễn Hữu Cao	15/03/1999	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-33
34	50308630	Nguyễn Văn Hiền	24/05/1998	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-34
35	50308647	Bùi Đình Báu	30/10/1995	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-35
36	50308681	Nguyễn Tuấn Trường	16/06/2004	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-36
37	50308741	Nguyễn Đức Chính	17/09/1997	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-37
38	50308742	Nguyễn Bảo Quốc	27/11/2002	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-38
39	50308745	Nguyễn Hữu Kiêm	15/09/1996	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-39
40	50308826	Mẫn Văn Khánh	18/01/2002	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-40
41	50308865	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	06/05/1999	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-41
42	50308868	Nguyễn Văn Duy	16/11/1997	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-42
43	50308874	Nguyễn Hữu Cường	24/10/1993	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K24SN12-43

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên
44	51030966	Cao Xuân Nam	17/06/1993	Nam	Tỉnh Hưng Yên	K24SN12-44
45	50303262	Vũ Thị Phượng	08/05/1996	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	K24SN12-45
46	50303430	Lương Thị Tuyết	01/11/1993	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	K24SN12-46
47	50303484	Trần Chí Hiếu	21/10/2000	Nam	Tỉnh Hưng Yên	K24SN12-47
48	50303502	Đặng Phi Sơn	21/03/2003	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	K24SN12-48
49	50311036	Lê Thùy Trang	02/12/1990	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	K24SN12-49
50	50311093	Phạm Thị Thu	20/01/1991	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	K24SN12-50
51	50311606	Nguyễn Văn Luân	20/11/1990	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	K24SN12-51
52	50300484	Bùi Bá Thắng	19/12/1998	Nam	Tỉnh Hưng Yên	K24SN12-52
53	50309352	Nguyễn Thị Tú Uyên	11/06/1991	Nữ	Tỉnh Lai Châu	K24SN12-53
54	51031345	Lương Văn Duy	25/10/1996	Nam	Tỉnh Lạng Sơn	K24SN12-54
55	50313125	Lê Minh Hiếu	08/12/1995	Nam	Tỉnh Lạng Sơn	K24SN12-55
56	50804930	Vi Tiến Hoàng	07/10/2003	Nữ	Tỉnh Lạng Sơn	K24SN12-56
57	50200731	Thào A Vừ	05/02/1997	Nữ	Tỉnh Lào Cai	K24SN12-57
58	51031098	Phạm Văn Chung	17/12/1990	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-58
59	50303730	Trần Thị Dần	02/03/1998	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-59
60	50303779	Phan Thị Phượng	28/03/2005	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-60
61	50303809	Lê Hồng Quang	24/05/2001	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-61
62	50303944	Trịnh Văn Tiến	06/01/2003	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-62
63	51033141	Đoàn Văn Khoa	03/08/1990	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-63
64	50310470	Trịnh Minh Quân	17/01/2002	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-64
65	50310512	Trần Văn Tiên	04/07/1993	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-65
66	50310520	Trịnh Quốc Anh	09/11/2005	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-66
67	50310582	Vũ Xuân Bách	28/10/2004	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-67
68	50310637	Trần Công Minh	26/01/1996	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-68
69	50310833	Nguyễn Thu Trang	13/06/2003	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-69
70	50310909	Lê Văn Đệ	21/11/1989	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-70
71	50310956	Nguyễn Hồng Quân	10/02/2005	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-71
72	50341025	Ngô Duy Nhiên	22/12/2004	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-72
73	50300587	Cao Văn Chánh	24/04/1993	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-73
74	50300595	Vương Quốc Đại	07/02/2005	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-74
75	50810882	Nguyễn Kiều Ngân	12/08/2006	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-75
76	50811107	Bùi Đức Phúc	27/09/1998	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-76
77	50811185	Cao Duy Trường	19/03/2003	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-77
78	50811187	Đỗ Hoàng Long	25/01/2002	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-78
79	51033520	Nguyễn Văn Tâm	08/12/1993	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-79
80	51033530	Nguyễn Hữu Phát	14/12/1987	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-80
81	50311819	Hoàng Tất Hùng	10/02/2001	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-81
82	50311845	Nguyễn Thị Thanh Hiền	01/10/1988	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-82
83	50311862	Vũ Thị Thúy	14/01/1992	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-83
84	50311875	Phạm Thị Ngọc	19/05/1994	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-84
85	50312090	Nguyễn Ngọc Anh	04/01/2004	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-85
86	50312237	Nguyễn Thị Thu Trang	02/04/2004	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-86
87	50312240	Nguyễn Anh Tuấn	02/10/2001	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-87
88	50312539	Đinh Xuân Điệp	05/10/2005	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-88

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên
89	50312636	Phạm Thị Thu Hạnh	23/10/1990	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-89
90	50312913	Đinh Vạn Trường	29/09/1992	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-90
91	50312931	Tạ Thị Hồng	25/03/1993	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-91
92	50300718	Mai Văn Hậu	05/10/1995	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-92
93	50812893	Vũ Văn Hữu	20/05/2000	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-93
94	50813070	Ninh Xuân Toàn	16/05/2001	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K24SN12-94
95	50305956	Đỗ Minh Thành	22/02/2003	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-95
96	50306144	Nguyễn Đức Long	26/04/2005	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-96
97	50306190	Lê Minh Phát	06/08/2005	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-97
98	50306193	Nguyễn Hồng Sơn	08/12/1996	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-98
99	50306200	Đỗ Mạnh Tuấn	10/06/2005	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-99
100	50306202	Nghiêm Thị Thu Hiền	14/11/2002	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-100
101	50306226	Nguyễn Thị Thuý Miền	22/12/2005	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-101
102	50306262	Nguyễn Xuân Tùng	06/11/2005	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-102
103	50306333	Nguyễn Văn Trí Anh	05/08/2005	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-103
104	50306382	Đinh Thị Phương Anh	24/08/2001	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-104
105	50313752	Hà Mạnh Phong	27/02/2002	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-105
106	50806371	Nguyễn Văn Minh	22/02/2006	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-106
107	50806385	Hà Minh Sinh	03/09/2006	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-107
108	50806392	Nguyễn Ngọc Phú	04/10/2006	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-108
109	50306839	Dương Văn Tài	19/05/1999	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-109
110	50306864	Phùng Thị Trang	07/04/1993	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-110
111	50807437	Nguyễn Văn Nghĩa	04/06/2003	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-111
112	50807558	Nguyễn Văn Lợi	10/07/2006	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K24SN12-112
113	51032875	Hoàng Viết Thuỷ	04/05/2001	Nam	Tỉnh Sơn La	K24SN12-113
114	50805377	Trần Minh Nguyên	28/11/2006	Nam	Tỉnh Tuyên Quang	K24SN12-114
115	50805393	Phan Tiến Kiên	18/12/2006	Nữ	Tỉnh Tuyên Quang	K24SN12-115
116	50371063	Nông Quốc Đạt	22/05/2002	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	K24SN12-116
117	50305392	Nông Thị Huyền	04/05/1990	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	K24SN12-117
118	50305479	Lý Thị Huệ	22/06/1988	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	K24SN12-118
119	50313024	Nguyễn Thị Yến	23/09/1992	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	K24SN12-119
120	51033885	Hà Hữu Minh	24/05/1998	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-120
121	50314036	Lê Văn Lương	01/03/2004	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-121
122	50314236	Nguyễn Kim Khánh	14/07/2005	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-122
123	50314700	Lê Thị Quỳnh	01/01/2005	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-123
124	50314721	Lê Thị Hà	12/08/1993	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-124
125	50315002	Nguyễn Thị Hiền	25/09/2005	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-125
126	50315137	Nguyễn Duy Điệp	20/06/1995	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-126
127	50315205	Lê Văn Hào	15/02/1999	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-127
128	50315343	Trịnh Khắc Chính	19/04/2005	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-128
129	50315423	Trương Văn Quân	27/11/1993	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-129
130	50316094	Cao Văn Thành	16/07/1990	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-130
131	50316511	Hoàng Văn Chiến	19/11/1987	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-131
132	50316691	Đỗ Văn Thuỷ	04/09/1995	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-132
133	50316788	Hà Hải Thịnh	14/07/2005	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-133

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên
134	50317187	NguyễN Văn Công	07/03/2005	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-134
135	50318450	Lê Huy Hùng	10/09/1995	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-135
136	50318561	Nguyễn Thế Nam	03/01/2004	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-136
137	50319045	Ngô Văn Quyến	12/09/2003	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-137
138	50319159	Ngô Thị Trang	14/05/2003	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-138
139	50319658	Phạm Văn Mạnh	25/02/1997	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-139
140	50319697	Trương Việt Đức	09/01/2002	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-140
141	50320343	Lê Viết Toản	08/04/2000	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-141
142	50320365	Nguyễn Kim Hồng	21/01/2004	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-142
143	50321164	Lò Văn Sự	10/05/1989	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-143
144	50321416	Vi Văn Tuấn	29/08/1992	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-144
145	50321544	Hà Thị Diệp	13/02/1989	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-145
146	50321849	Bùi Ngọc Lương	02/12/2002	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-146
147	50345224	Nguyễn Xuân Thành	13/12/2003	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-147
148	50815486	Hoàng Thị Thu Hiền	30/10/2006	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-148
149	50815656	Nguyễn Văn Dương	27/07/1997	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-149
150	50817360	Lê Anh Tuấn	18/10/2006	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K24SN12-150
151	50300046	Nguyễn Thuỳ Linh	02/12/2005	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-151
152	50300066	Nguyễn Tiến Cường	15/09/2002	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-152
153	50300087	Vương Trí Đức	31/05/2005	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-153
154	50300175	Nguyễn Mạnh	05/12/2005	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-154
155	50300236	Trần Thị Ngọc Oanh	11/08/1985	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-155
156	50300271	Hoàng Thị Thùy Linh	02/02/1994	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-156
157	50300294	Nguyễn Thị Thanh Hằng	16/09/2005	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-157
158	50300332	Lê Đức Thắng	05/11/1999	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-158
159	50300355	Nguyễn Đình Huy	02/05/2001	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-159
160	50300461	Lê Thế Vũ	16/09/2003	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-160
161	50300547	Lê Văn Vinh	06/03/2004	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-161
162	50300562	Lê Minh Đức	07/05/2002	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-162
163	50300600	Vũ Văn Dũng	22/05/2002	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-163
164	50300721	Đỗ Thị Thương	02/05/2003	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-164
165	50300733	Cấn Thị Thu	11/08/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-165
166	50300778	Bùi Văn Chung	06/04/2003	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-166
167	50300837	Kiều Anh Thư	29/11/2005	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-167
168	50300845	Hoàng Văn Thực	21/09/2005	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-168
169	50300865	Lê Thanh Minh	14/05/1989	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-169
170	50300904	Lê Hoàng Sơn	05/09/2004	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-170
171	50300921	Hoàng Văn Mạnh	09/04/2005	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-171
172	50301060	Đỗ Kim Hà	12/08/2000	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-172
173	50301081	Đỗ Văn Đoàn	15/06/2002	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-173
174	50301241	Vũ Minh Tiến	01/05/2001	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-174
175	50301307	Bùi Anh Dương	06/07/1999	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-175
176	50301329	Hoàng Thị Thuỷ	29/09/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-176
177	50301417	Đoàn Đức Hùng	08/01/2001	Nam	Thành phố Hà Nội	K24SN12-177
178	50301441	Nguyễn Thị Thu Huyền	21/01/2004	Nữ	Thành phố Hà Nội	K24SN12-178

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên
179	50301468	Nguyễn Hữu Cảnh	11/09/2003	Nam	Thành phố Hà Nội	**K24SN12-179**
180	50301481	Đặng Thành Nam	24/06/2003	Nam	Thành phố Hà Nội	**K24SN12-180**
181	50340044	Nguyễn Thị Phương Thanh	03/06/2002	Nữ	Thành phố Hà Nội	**K24SN12-181**
182	50800059	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	15/09/2006	Nữ	Thành phố Hà Nội	**K24SN12-182**
183	50800160	Ngô Vĩnh Hưng	06/11/2004	Nam	Thành phố Hà Nội	**K24SN12-183**
184	50800173	Vương Duy Vinh	17/09/1994	Nam	Thành phố Hà Nội	**K24SN12-184**
185	50800208	Lê Văn Ty	12/03/2006	Nam	Thành phố Hà Nội	**K24SN12-185**
186	50800656	Nguyễn Duy Minh	11/02/2001	Nam	Thành phố Hà Nội	**K24SN12-186**
187	50502088	Nguyễn Thị Thu Hằng	08/02/2004	Nữ	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-187**
188	50302052	Phạm Thùy Ninh	19/02/1998	Nữ	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-188**
189	50302516	Nguyễn Thị Tâm	23/04/1990	Nữ	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-189**
190	50302598	Trương Nguyệt Minh	08/07/2002	Nữ	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-190**
191	50302770	Vũ Thị Mai	28/07/1990	Nữ	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-191**
192	50302994	Nguyễn Thế Nam	07/03/2001	Nam	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-192**
193	50303023	Nguyễn Thị Giang	29/06/1998	Nữ	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-193**
194	50802470	Nguyễn Thanh Tùng	29/12/1997	Nam	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-194**
195	50301568	Ngô Thu Huyền	20/03/1994	Nữ	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-195**
196	50301585	Đoàn Thị Mai	08/04/1993	Nữ	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-196**
197	50301675	Nguyễn Thị Thêm	12/03/1993	Nữ	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-197**
198	50301862	Vũ Thị Minh Nguyệt	11/09/1990	Nữ	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-198**
199	50301877	Đàm Mỹ Linh	19/11/1994	Nữ	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-199**
200	50801957	Ngô Văn Tuyên	14/03/1999	Nam	Thành phố Hải Phòng	**K24SN12-200**